

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 08- 9- 2021.

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Tùng.

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Vĩnh P, xã Vĩnh Q, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Long B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Long B, thị xã Ngã Năm. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc, về sau chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh N đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng thì không ai biết. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: chị và anh N có 02 con chung: Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/10/2010, hai cháu hiện sống với anh N.

Về tài sản: chị và anh N tự thỏa thuận; nợ chung không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N;

Về con chung: yêu cầu giao 02 con cho anh N nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy khai ngày 06/7/2021 anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh có nhận được các thủ tục do Tòa án gửi nhưng do bận đi làm nên anh không tham dự theo giấy mời. Anh và chị T sống chung nhưng không hợp về tính tình, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất tình cảm với nhau. Anh cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung: anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh 22/10/2010, hai con đang sống chung với anh. Theo yêu cầu của chị T giao con cho anh nuôi, anh cũng đồng ý nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu. Ngoài ra, anh yêu cầu xét xử vắng mặt do bận nhiều việc không tham dự được.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh N không đến, anh N cũng thống nhất với việc sống chung với chị T không hòa hợp. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc

sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung: Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh 22/10/2010 đều đang sống với anh N. Chị T yêu cầu giao con cho anh N nuôi, anh N cũng đồng ý nuôi 02 con và theo nguyện vọng của 02 cháu cũng muốn theo sống với anh N khi cha mẹ ly hôn. Nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T giao con cho anh N nuôi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị T không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các bên không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn N vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị chung sống vẫn đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh N không đến, anh N cũng thống nhất với việc sống chung với chị T không hòa hợp và cũng đồng ý ly hôn. Từ khi ly thân đến nay anh, chị mạnh ai nấy sống không còn quan tâm nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[2] Về con chung:

Quá trình chung sống chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh 22/10/2010, hai con đều đang sống với anh N. Chị T yêu cầu giao con cho anh N nuôi, anh N cũng đồng ý nuôi 02 con khi ly hôn và theo nguyện vọng của 02 con cũng có nguyện vọng theo sống với anh N khi cha mẹ ly hôn. Thấy rằng từ khi chị T và Nhỏ ly thân cho đến nay thì 02 cháu vẫn theo sống với anh N, các cháu vẫn sống ổn định. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu giao con của chị T. Giao cho anh N nuôi 02 con tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh 22/10/2010

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị T không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về phân chia tài sản chung và nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Văn N. Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/8/2008 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh 22/10/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh N không yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Trần Thị Cẩm T, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không ai yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007721 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm, xem như chị T nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Long B, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh